



Mẫu hộp: **CalciumBoston Ascorbic (5 ml)**

Ngày ... tháng ... năm 201...

Mặt trước

Oral solution

CALCIUMBOSTON®

Ascorbic

Calcium glucoheptonate 550 mg
Ascorbic acid 50 mg
Nicotinamide 25 mg

5 mL



BOSTON PHARMA

Vitamin

Box of 4 blisters x 6 ampoules
5ml
Do not inject

CALCIUMBOSTON®

Ascorbic

THÀNH PHẦN:
Calcii glucoheptonat..... 550 mg
Acid ascorbic..... 50 mg
Nicotinamid..... 25 mg
Các thành phần khác vừa đủ cho 1 ống uống 5 ml
COMPOSITION:
Calcium glucoheptonate..... 550 mg
Ascorbic acid 50 mg
Nicotinamide..... 25 mg
Other ingredients q.s. for 1 ampoule 5 ml

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng,
cách dùng và các thông tin khác xin đọc
trong
tờ hướng dẫn sử dụng
Indications, contraindications, dosage,
administration and other information see
the package insert.

Bao quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Store in a dry place, below 30°C, protect from light

ĐỂ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI
DÙNG
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT
BEFORE USING

Tiêu chuẩn/Specification: TCCS/n-house
SDK/Reg.No.:

Số lô SX / Batch No.:
Ngày SX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date:



Tổng Giám Đốc

Lương Đăng Khoa

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu:/..../..

▲ Qui cách: 135 x 105 x 50 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)
		Lần đầu:/..../..

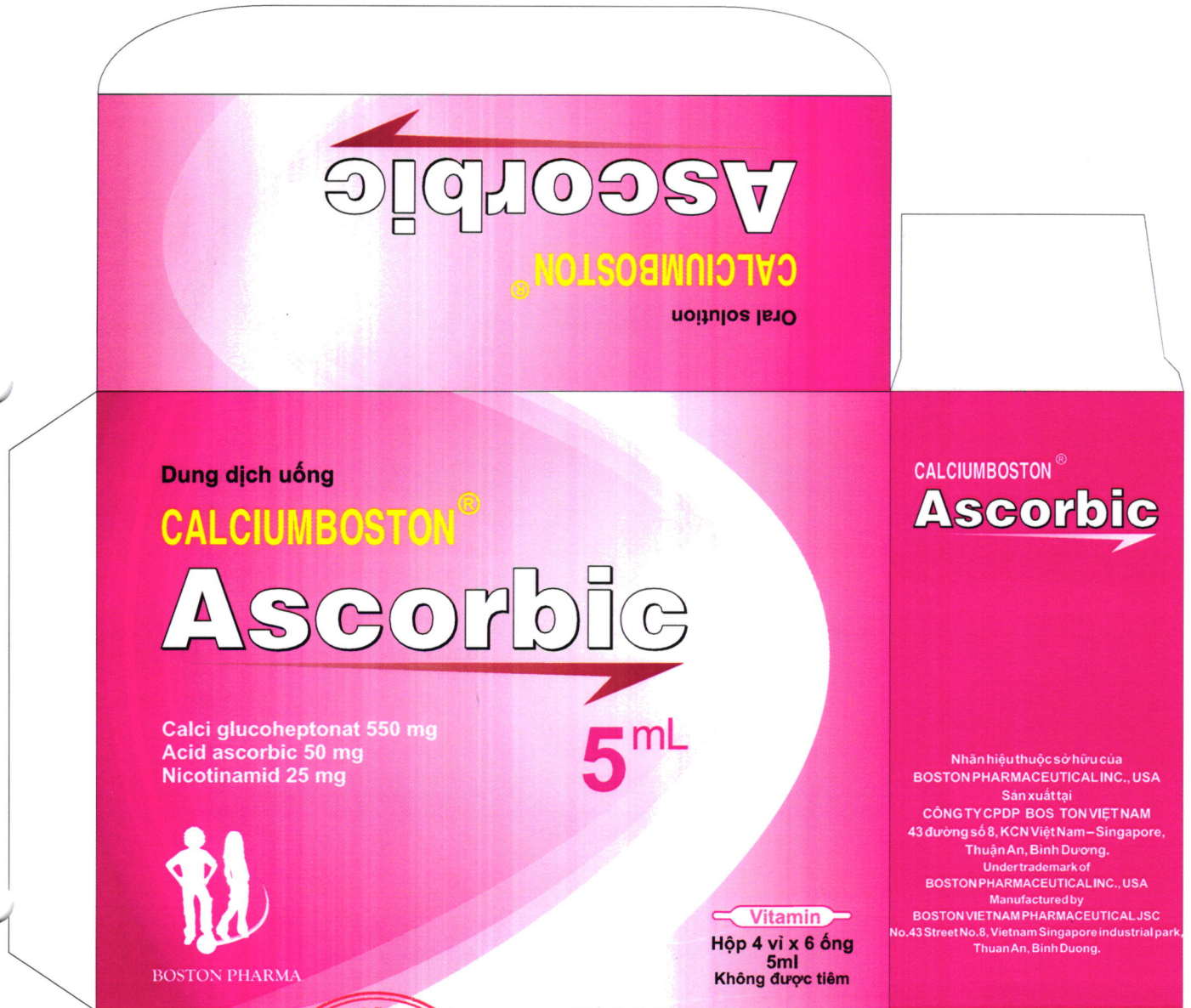
BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT



Mẫu hộp: **CalciumBoston Ascorbic (5 ml)**

Ngày ... tháng ... năm 201...

Mặt sau



Tổng Giám Đốc

Lương Đăng Khoa

▲ Qui cách: 135 x 105 x 50 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

	Mẫu nhãn ống: CalciumBoston Ascorbic (5 ml)	Ngày ... tháng ... năm 201...
---	---	-------------------------------

 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Calciumboston® Ascorbic 5^{ml}
Không được tiêm

 Ống uống 5 ml
Calci glucoheptonat 550 mg
Acid ascorbic 50 mg
Nicotinamid 25 mg

Số lô SX:
NSX:
HD:

Tổng Giám Đốc


Lương Đăng Khoa

▲ Qui cách: 45 x 7 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

22



Mẫu hộp: **CalciumBoston Ascorbic (10 ml)**

Ngày ... tháng ... năm 201...

Mặt trước

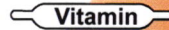
Oral solution

CALCIUMBOSTON[®]

Ascorbic

Calcium glucoheptonate 1100 mg
Ascorbic acid 100 mg
Nicotinamide 50 mg

10^{mL}



Box of 4 blisters x 6 ampoules
10ml
Do not inject

BOSTON PHARMA

CALCIUMBOSTON[®]

Ascorbic

THÀNH PHẦN:

Calci glucoheptonat..... 1100 mg
Acid ascorbic..... 100 mg
Nicotinamid..... 50 mg
Các thành phần khác vừa đủ cho 1 ống uống 10 ml

COMPOSITION:

Calcium glucoheptonate..... 1100 mg
Ascorbic acid 100 mg
Nicotinamide 50 mg
Other ingredients q.s. for 1 ampoule 10 ml

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng,
cách dùng và các thông tin khác xin đọc
trong

tờ hướng dẫn sử dụng
Indications, contraindications, dosage,
administration and other information see
the package insert.

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Store in a dry place, below 30°C, protect from light

**ĐỂ XA TAY CỦA TRÉ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI
DÙNG**

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT
BEFORE USING**

Tiêu chuẩn/Specification: TCCS/In-house
SDK/Reg.No.:

Số lô SX / Batch No.:

Ngày SX / Mfg. Date:

HD / Exp. Date:



Tổng Giám Đốc

Lương Đăng Khoa

▲ Qui cách: 135 x 105 x 50 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

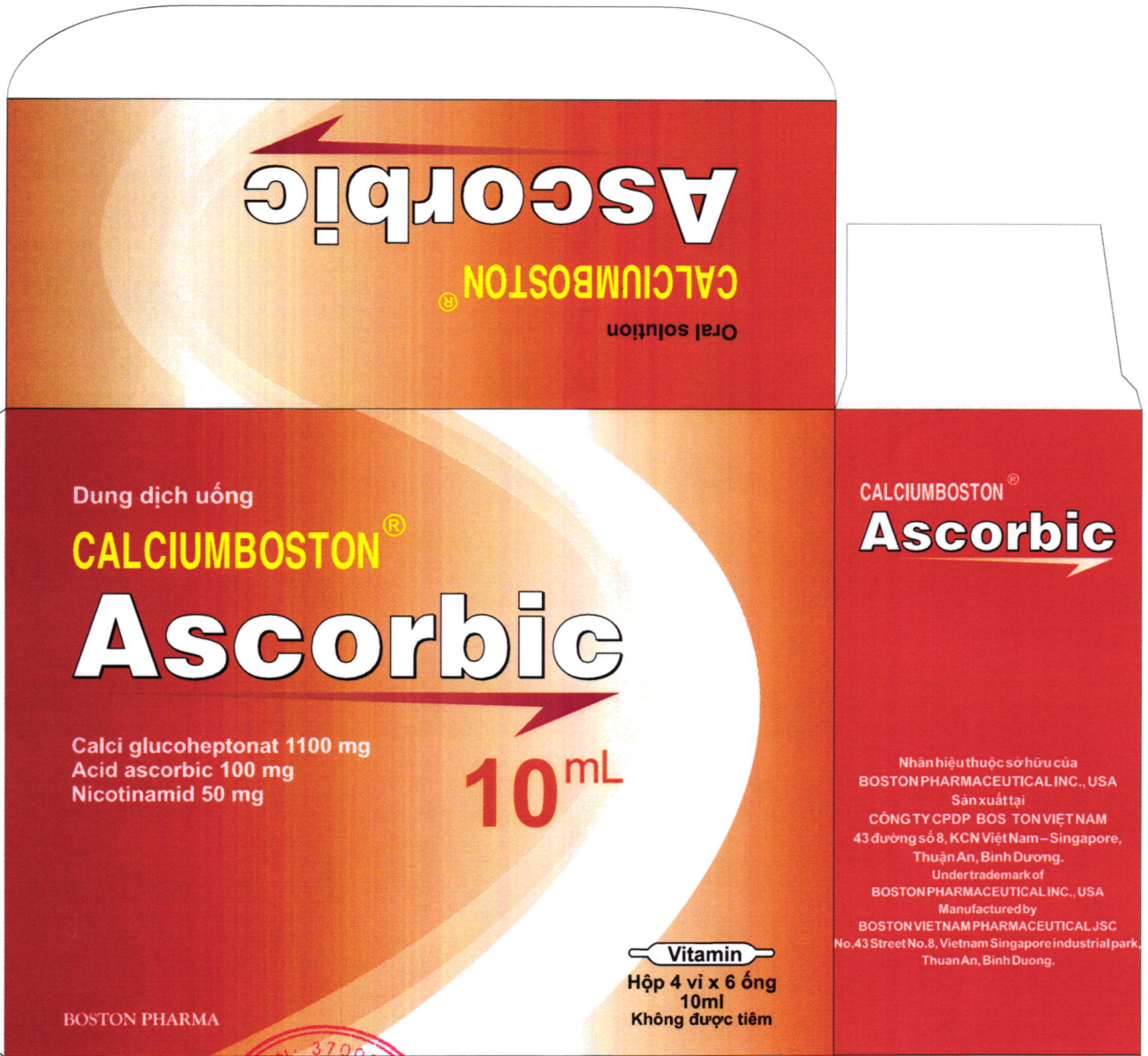
22 ✓



Mẫu hộp: **CalciumBoston Ascorbic (10 ml)**

Ngày ... tháng ... năm 201...

Mặt sau



CALCIUMBOSTON[®]
Ascorbic

Dung dịch uống

CALCIUMBOSTON[®]

Ascorbic

Calci glucoheptonat 1100 mg
Acid ascorbic 100 mg
Nicotinamid 50 mg

10 mL

Vitamin

Hộp 4 vỉ x 6 ống
10ml
Không được tiêm

BOSTON PHARMA

Nhãn hiệu thuốc sở hữu của
BOSTON PHARMACEUTICAL INC., USA
Sản xuất tại
CÔNG TY CPDP BOS TON VIỆT NAM
43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore,
Thuận An, Bình Dương.
Under trademark of
BOSTON PHARMACEUTICAL INC., USA
Manufactured by
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43 Street No. 8, Vietnam Singapore industrial park,
Thuận An, Bình Dương.



Tổng Giám Đốc

Lương Đăng Khoa

▲ Qui cách: 135 x 105 x 50 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

W

	Mẫu nhãn ống: Calcium Boston Ascorbic (10 ml)	Ngày ... tháng ... năm 201...
---	---	-------------------------------

 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Calcium Boston® Ascorbic 10 ml
Không được tiêm

 Ống uống 10 ml
Calci glucoheptonat 1100 mg
Acid ascorbic 100 mg
Nicotinamid 50 mg

Số lô SX:
NSX:
HD:

Tổng Giám Đốc



▲ Qui cách: 45 x 7 mm

Lương Đăng Khoa

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

Handwritten mark

Handwritten mark

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO CÁN BỘ Y TẾ

CALCIUMBOSTON ASCORBIC

THÀNH PHẦN

Hoạt chất: Mỗi ml dung dịch thuốc chứa:

- Calci glucoheptonat 110 mg
- Vitamin C 10 mg
- Vitamin PP 5 mg

Tá dược: Acid hypophosphorous, đường RE, natri sulfit, polysorbat 80, tinh dầu chanh, natri hydroxyd, ethanol 96%, nước tinh khiết vừa đủ 1 ml.

DẠNG BÀO CHẾ

Dung dịch uống.

DƯỢC LỰC HỌC

Mã ATC: A12AX

Calci là một thành phần không thể thiếu của cơ thể, nó có ảnh hưởng rất quan trọng lên các hoạt động trong và ngoài tế bào như: sự co cơ, sự dẫn truyền thần kinh, hoạt động của các enzym và hocmon. Calci cũng là thành phần chính của xương và có vai trò quan trọng trong quá trình đông máu. Nhu cầu calci tăng cao với trẻ em đang lớn, phụ nữ mang thai hoặc cho con bú, người lớn tuổi hoặc người bệnh nằm bất động lâu ngày.

Nhu cầu calci hàng ngày của cơ thể (tính theo calci nguyên tố):

LỨA TUỔI	CALCI (MG/NGÀY)
Trẻ em	
0 – 6 tháng	210 mg/ngày
7 – 12 tháng	270 mg/ngày
1 – 3 tuổi	500 mg/ngày
4 – 8 tuổi	800 mg/ngày
9 – 18 tuổi	1300 mg/ngày
Người lớn	
19 – 50 tuổi	1000 mg/ngày
≥ 51 tuổi	1200 mg/ngày

Phụ nữ trong thời kỳ mang thai/thời kỳ cho con bú: Liều giống như liều người lớn.

Vitamin C quan trọng cho việc tổng hợp collagen, mô liên kết, mô tiền cốt, ngà răng ... Do là chất khử mạnh, nó có tác dụng bảo vệ men acid folic reductase là men biến đổi acid folic thành acid folinic, giải phóng acid folic từ thức ăn và thúc đẩy sự hấp thu sắt. Sự thiếu hụt vitamin C thường xảy ra ở trẻ em, người già hoặc người nghiện rượu.

Nicotinamid đóng vai trò quan trọng trong chuyển hóa tế bào như một chất xúc tác cho phản ứng oxy hóa khử quan trọng trong sự hô hấp của mô.



Handwritten blue mark or signature.

DUYỆC ĐỘNG HỌC

Canxi được hấp thu qua ruột non và thải trừ chủ yếu vào phân. Chỉ một lượng nhỏ được thải trừ trong nước tiểu.

Vitamin C (acid ascorbic) được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và phân bố rộng rãi trong các mô cơ thể, 25% gắn kết với protein huyết tương. Vitamin C được thải trừ vào nước tiểu.

Vitamin PP (nicotinamid) được hấp thu qua đường tiêu hóa và phân bố rộng rãi trong các mô của cơ thể và có thời gian bán thải ngắn.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 4 vỉ × 6 ống 10 ml.

Hộp 4 vỉ × 6 ống 5 ml.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị các tình trạng thiếu vitamin C và Vitamin PP.

Tình trạng thiếu calci và trong giai đoạn tăng nhu cầu calci: trẻ em trong giai đoạn tăng trưởng, phụ nữ có thai và cho con bú, người cao tuổi.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

❖ *Cách dùng:* CALCIUMBOSTON ASCORBIC được dùng bằng đường uống, có thể dùng cùng hoặc không cùng với bữa ăn.

❖ *Liều dùng:*

Ống 5 ml:

Người lớn: uống 1-2 ống/lần x 1-2 lần/ngày.

Trẻ em: uống 1 ống/lần x 2 lần/ngày.

Ống 10 ml:

Người lớn: uống 1 ống/lần x 1-2 lần/ngày.

Trẻ em: uống 1 ống/lần x 1 lần/ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tăng calci huyết, sỏi calci.

THẬN TRỌNG

Các tình trạng cần thận trọng khi dùng thuốc

Dùng thuốc thận trọng cho bệnh nhân đái tháo đường vì mỗi ống 5 ml có chứa 2,5 g đường, mỗi ống 10ml có chứa 5 g đường.

Các khuyến cáo cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác)

Thuốc không ảnh hưởng trên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Những thuốc sau đây ức chế thải trừ calci qua thận: Các thiazid, clopamid, ciprofloxacin, chlorthalidon, thuốc chống co giật.

Calci làm giảm hấp thu demeclocyclin, doxycyclin, metacyclin, minocyclin, oxytetracyclin, tetracyclin, enoxacin, fleroxacin, levofloxacin, lomefloxacin, norfloxacin, ofloxacin, pefloxacin, sắt, kẽm và những chất thiết yếu khác. Vì thế CALCIUMBOSTON ASCORBIC phải được uống cách xa các thuốc này tối thiểu 3 giờ

Calci làm tăng độc tính đối với tim của các glycosid digitalis vì tăng nồng độ calci huyết sẽ làm tăng tác dụng ức chế $\text{Na}^+ - \text{K}^+ - \text{ATPase}$ của glycosid tim.

Calci glucoheptonat có thể làm giảm tác dụng của các dẫn xuất biphosphonat, các chất phong bế kênh calci, dobutamin, eltrombopag, estramustin, các chất bổ sung phosphat, các kháng sinh quinolon, các sản phẩm tuyến giáp, trientin.

Trientin có thể làm giảm tác dụng của calci.

Glucocorticoid, phenytoin làm giảm hấp thu calci qua đường tiêu hóa. Chế độ ăn có phytat, oxalat làm giảm hấp thu calci vì tạo thành những phức hợp khó hấp thu.

Phosphat, calcitonin, natri sulfat, furosemid, magnesi, cholestyramin, estrogen, một số thuốc chống co giật cũng làm giảm calci huyết.

Thuốc lợi tiểu thiazid làm tăng nồng độ calci huyết.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng phụ
Hệ tuần hoàn	Thường gặp	Hạ huyết áp (chóng mặt), giãn mạch ngoại vi.
	Ít gặp	Loạn nhịp, rối loạn chức năng tim cấp.
	Hiếm gặp	Huyết khối
Hệ tiêu hóa	Thường gặp	Táo bón, đầy hơi, buồn nôn, nôn.
	Chưa rõ	Rối loạn tiêu hóa, gây kích ứng dạ dày ruột.
Hệ thần kinh	Ít gặp	Vã mồ hôi.
	Chưa rõ	Cảm giác ngọt ngọt, cảm giác đau nhói dây thần kinh.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều: Các triệu chứng của quá liều calci bao gồm chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn, nôn ói, đau đầu, khát nước, chóng mặt, tăng ure máu.

Xử trí: Nồng độ calci máu vượt quá 2,6 mmol/lít (10,5 mg/100 ml) được coi là tăng calci huyết. Ngừng bổ sung bất cứ thuốc gì có khả năng gây tăng calci huyết sẽ có thể giải quyết được tình trạng tăng calci huyết nhẹ ở người bệnh không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng và có chức năng thận bình thường.

Khi nồng độ calci huyết vượt quá 2,9 mmol/lít (12 mg/100 ml) phải ngay lập tức dùng các biện pháp sau đây:

Bù dịch bằng truyền tĩnh mạch dung dịch NaCl 0,9%. Cho lợi tiểu cưỡng bức bằng furosemid hoặc acid ethacrynic để tăng thải trừ nhanh calci và natri khi đã dùng quá nhiều dung dịch NaCl 0,9%.

Theo dõi nồng độ kali và maggesi trong máu và thay thế máu sớm để phòng biến chứng trong điều trị. Theo dõi điện tâm đồ và có thể sử dụng các chất chẹn beta adrenergic để phòng loạn nhịp tim nặng. Có thể thăm phân máu, có thể dùng calcitonin và adrenocorticoid trong điều trị.

Xác định nồng độ calci máu theo từng khoảng thời gian nhất định một cách đều đặn để có định hướng cho điều trị.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên nhà sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM.**

Địa chỉ: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 06503 769 606

Fax: 06503 769 601

Email: boston@bostonpharma.com.vn.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Bình Dương, ngày 16 tháng 08 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐĂNG KÝ



LƯƠNG ĐĂNG KHOA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO NGƯỜI BỆNH

CALCIUMBOSTON ASCORBIC

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tâm tay trẻ em.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG CỦA THUỐC

Hoạt chất: Mỗi ml dung dịch thuốc chứa:

Calci glucoheptonat	110 mg
Vitamin C	10 mg
Vitamin PP	5 mg

Tá dược: Acid hypophosphorous, đường RE, natri sulfít, polysorbat 80, tinh dầu chanh, natri hydroxyd, ethanol 96%, nước tinh khiết vừa đủ 1 ml.

MÔ TẢ SẢN PHẨM

Ổng nhựa màu trắng đục, bên trong chứa dung dịch thuốc màu vàng nhạt, có mùi thơm.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 4 vi × 6 ống 10 ml.

Hộp 4 vi × 6 ống 5 ml.

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ?

Điều trị các tình trạng thiếu vitamin C và Vitamin PP.

Tình trạng thiếu calci và trong giai đoạn tăng nhu cầu calci: trẻ em trong giai đoạn tăng trưởng, phụ nữ có thai và cho con bú, người cao tuổi.

NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG?

Cách dùng:

CALCIUMBOSTON ASCORBIC được dùng bằng đường uống, có thể dùng cùng hoặc không cùng với bữa ăn.

Liều lượng

Ống 5 ml:

Người lớn: uống 1-2 ống/lần x 1-2 lần/ngày.

Trẻ em: uống 1 ống/lần x 2 lần/ngày.

Ống 10 ml:

Người lớn: uống 1 ống/lần x 1-2 lần/ngày.

Trẻ em: uống 1 ống/lần x 1 lần/ngày.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY?

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Tăng calci huyết, sỏi calci.



Handwritten signature or mark.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng phụ
Hệ tuần hoàn	Thường gặp	Hạ huyết áp (chóng mặt), giãn mạch ngoại vi.
	Ít gặp	Loạn nhịp, rối loạn chức năng tim cấp.
	Hiếm gặp	Huyết khối
Hệ tiêu hóa	Thường gặp	Táo bón, đầy hơi, buồn nôn, nôn.
	Chưa rõ	Rối loạn tiêu hóa, gây kích ứng dạ dày ruột.
Hệ thần kinh	Ít gặp	Vã mồ hôi.
	Chưa rõ	Cảm giác ngột ngạt, cảm giác đau nhói dây thần kinh.

NÊN TRÁNH DÙNG THUỐC GÌ HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG DÙNG THUỐC NÀY?

Các tương tác của thuốc với các thuốc khác

Những thuốc sau đây ức chế thải trừ calci qua thận: Các thiazid, clopamid, ciprofloxacin, chlorthalidon, thuốc chống co giật.

Calci làm giảm hấp thu demeclocyclin, doxycyclin, metacyclin, minocyclin, oxytetracyclin, tetracyclin, enoxacin, fleroxacin, levofloxacin, lomefloxacin, norfloxacin, ofloxacin, pefloxacin, sắt, kẽm và những chất thiết yếu khác. Vì thế CALCIUMBOSTON ASCORBIC phải được uống cách xa các thuốc này tối thiểu 3 giờ

Calci làm tăng độc tính đối với tim của các glycosid digitalis vì tăng nồng độ calci huyết sẽ làm tăng tác dụng ức chế $\text{Na}^+ - \text{K}^+ - \text{ATPase}$ của glycosid tim.

Calci glucoheptonat có thể làm giảm tác dụng của các dẫn xuất biphosphonat, các chất phong bế kênh calci, dobutamin, eltrombopag, estramustin, các chất bổ sung phosphat, các kháng sinh quinolon, các sản phẩm tuyến giáp, trientin.

Trientin có thể làm giảm tác dụng của calci.

Glucocorticoid, phenytoin làm giảm hấp thu calci qua đường tiêu hóa. Chế độ ăn có phytat, oxalat làm giảm hấp thu calci vì tạo thành những phức hợp khó hấp thu.

Phosphat, calcitonin, natri sulfat, furosemid, magnesi, cholestyramin, estrogen, một số thuốc chống co giật cũng làm giảm calci huyết.

Thuốc lợi tiểu thiazid làm tăng nồng độ calci huyết.

CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN DÙNG THUỐC

– Bệnh nhân nên dùng thuốc vào một thời gian cố định. Nếu bị quên 1 liều, có thể bỏ qua liều đó và tiếp tục dùng thuốc theo lịch trình như cũ. Không dùng thuốc hai lần liên tiếp để bù cho liều đã quên.

CẦN BẢO QUẢN THUỐC NHƯ THẾ NÀO

– Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

Triệu chứng:

Các triệu chứng của quá liều calci bao gồm chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn, nôn ói, đau đầu, khát nước, chóng mặt, tăng ure máu.

CẦN LÀM GÌ KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO

Điều trị

Nồng độ calci máu vượt quá 2,6 mmol/lít (10,5 mg/100 ml) được coi là tăng calci huyết. Ngừng bổ sung bất cứ thuốc gì có khả năng gây tăng calci huyết sẽ có thể giải quyết được tình trạng tăng calci huyết nhẹ ở người bệnh không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng và có chức năng thận bình thường.

Khi nồng độ calci huyết vượt quá 2,9 mmol/lít (12 mg/100 ml) phải ngay lập tức nhập viện và có thể được xử trí:

Bù dịch bằng truyền tĩnh mạch dung dịch NaCl 0,9%. Cho lợi tiểu cưỡng bức bằng furosemid hoặc acid ethacrynic để tăng thải trừ nhanh calci và natri khi đã dùng quá nhiều dung dịch NaCl 0,9%.

Theo dõi nồng độ kali và magnesi trong máu và thay thế máu sớm để phòng biến chứng trong điều trị. Theo dõi điện tâm đồ và có thể sử dụng các chất chẹn beta adrenergic để phòng loạn nhịp tim nặng. Có thể thăm phân máu, có thể dùng calcitonin và adrenocorticoid trong điều trị.

Xác định nồng độ calci máu theo từng khoảng thời gian nhất định một cách đều đặn để có định hướng cho điều trị.

NHỮNG ĐIỀU THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

❖ Các tình trạng cần thận trọng khi dùng thuốc

Dùng thuốc thận trọng cho bệnh nhân đái tháo đường vì mỗi ống 5 ml có chứa 2,5 g đường, mỗi ống 10ml có chứa 5 g đường.

❖ Các khuyến cáo cho phụ nữ có thai và cho con bú

Phụ nữ có thai: Không gây hại khi dùng liều theo nhu cầu thông thường hàng ngày. Tuy nhiên, người mang thai nên được cung cấp calci bằng chế độ ăn uống đầy đủ. Dùng quá nhiều loại vitamin và calci cùng các chất khoáng khác có thể gây hại cho mẹ hoặc thai nhi.

Phụ nữ cho con bú: Không gây hại khi dùng liều theo nhu cầu thông thường hàng ngày. Calci vào sữa mẹ trong thời kỳ cho con bú.

❖ Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác)

Thuốc không ảnh hưởng trên khả năng lái xe và vận hành máy móc.

KHI NÀO CẦN THAM VẤN BÁC SĨ, DƯỢC SĨ?

Khi có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong quá trình sử dụng thuốc hoặc khi phối hợp điều trị với các thuốc khác.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

HẠN SỬ DỤNG CỦA THUỐC

24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TÊN, ĐỊA CHỈ, BIỂU TƯỢNG CỦA NHÀ SẢN XUẤT



Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam.

Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam– Singapore, Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.

NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC



Bình Dương, ngày 16 tháng 08 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐĂNG KÝ



[Handwritten signature]
LƯƠNG ĐĂNG KHOA



[Handwritten signature]
**TU. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Lỗ Minh Hùng**